

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGHĨA HÀNH
TỈNH QUẢNG NGÃI**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 16/2019/HNGĐ- ST

Ngày 14-8-2019

V/v: “*Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGHĨA HÀNH, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Diệu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Thanh Chín.

2. Bà Nguyễn Thị Nga.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Ngọc Anh- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thương Huyền- Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2019, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện P xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 26/2019/TLST- HNGĐ, ngày 06/3/2019 về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2019/QĐXXST- HNGĐ, ngày 05/7/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2019/QĐST-HNGĐ ngày 31/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện P, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Đào Thị T, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Thôn Q, xã E, huyện R, tỉnh Quảng Ngãi (có mặt tại phiên tòa).

*** Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Thôn Y, xã U, huyện P, tỉnh Quảng Ngãi (Vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, phiên hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Đào Thị T trình bày:

- Hôn nhân: Chị T và anh Nguyễn Văn L tự nguyện yêu thương nhau, có tổ chức lễ cưới trước sự chứng kiến của hai bên gia đình. Đến ngày 05/9/2007 đến UBND xã U, huyện P, tỉnh Quảng Ngãi để đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng sống không hợp tính nhau,

bất đồng quan điểm, thường hay cãi vã, bản thân anh L thường có những lời lẽ xúc phạm danh dự nhân phẩm đối chị T; anh L sống hẹp hòi, thiếu sự quan tâm, chăm sóc gia đình; vợ chồng sống không có hạnh phúc. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 6/2018 mãi đến nay, phần ai nấy sống, không ai quan tâm đến ai. Nay chị T thấy rằng tình cảm vợ chồng giữa chị và anh Nguyễn Văn L không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T yêu cầu được ly hôn đối với anh Nguyễn Văn L.

- Về con chung: Chị T và anh L có ba con chung tên Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 29/5/2008; Nguyễn Văn P1, sinh ngày 16/12/2009; Nguyễn Vũ Minh C, sinh ngày 26/10/2013. Hiện nay các cháu Nguyễn Thị Thu H và Nguyễn Vũ Mạnh C đang sinh sống với chị T tại thôn Q, xã Trà Trú, huyện R, tỉnh Quảng Ngãi. Còn cháu Nguyễn Văn P1 đang sống với anh L tại thôn Y, xã U, huyện P, Quảng Ngãi.

Khi ly hôn, chị T có nguyện vọng được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con Nguyễn Thị Thu H và Nguyễn Vũ Minh C. Yêu cầu anh L cấp dưỡng tiền nuôi con đối với cháu Nguyễn Vũ Minh C hàng tháng, mỗi tháng 1.000.000đồng (*Một triệu đồng*), cho đến khi cháu C đủ 18 tuổi.

Anh Nguyễn Văn L tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Nguyễn Văn P1.

- Về tài sản chung: Chị và anh L không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị và anh L không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải bị đơn anh Nguyễn Văn L trình bày:

- Về hôn nhân: Anh L công nhận giữa anh và chị T tự nguyện yêu thương nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã U, huyện P, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 05/9/2007. Trong quá trình chung sống, vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do bản thân anh nghi ngờ chị T có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác, sống không chung thủy nên từ đó vợ chồng thường hay cãi vã, sống không có hạnh phúc. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 6/2018 mãi đến nay, phần ai nấy sống, không ai quan tâm đến ai. Nay chị T yêu cầu ly hôn, bản thân anh L không đồng ý. Anh mong muốn vợ chồng đoàn tụ chung sống, cùng làm ăn, nuôi dạy các con chung.

- Về con chung: Công nhận đúng như lời trình bày của chị T. Anh và chị T có ba con chung, về họ và tên, ngày tháng năm sinh của từng con chung đúng như chị T đã trình bày. Nếu Tòa án cho ly hôn, bản thân anh có nguyện vọng được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả ba con chung là Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 29/5/2008; Nguyễn Văn P1, sinh ngày 16/12/2009 và Nguyễn Vũ Minh C, sinh ngày 26/10/2013. Anh không yêu cầu chị T cấp dưỡng tiền nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh và chị T không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh và chị T không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Quảng Ngãi phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71; Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 119 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đào Thị T.

Hôn nhân: Chị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn L.

Con chung: Chị T tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con là Nguyễn Thị Thu H và Nguyễn Vũ Minh C. Buộc anh L cấp dưỡng tiền nuôi con Nguyễn Vũ Minh C hàng tháng, mỗi tháng 1.000.000đồng (*Một triệu đồng*), cho đến khi con Nguyễn Vũ Minh C đủ 18 tuổi. Thời điểm cấp dưỡng kể từ tháng 8/2019.

Anh Nguyễn Văn L tiếp tục trực tiếp, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Nguyễn Văn P1, sinh ngày 16/12/2009.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Án phí: Chị Đào Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, ông Nguyễn Văn L phải chịu án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị Đào Thị T khởi kiện yêu cầu được ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn đối với anh Nguyễn Văn L. Anh L hiện đang làm ăn, sinh sống tại xã U, huyện P, tỉnh Quảng Ngãi. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Quảng Ngãi theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Chị Đào Thị T và anh Nguyễn Văn L có đăng ký kết hôn tại UBND xã U, huyện P, tỉnh Quảng Ngãi vào năm 2007 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh L, Hội đồng xét xử nhận thấy: Chị T và anh L đều thừa nhận trong quá trình chung sống giữa hai vợ chồng có mâu thuẫn nên thường xuyên cãi vã nhau, cuộc sống không hạnh phúc. Anh L nghi ngờ chị

T có tình cảm với người khác nên có những lời lẽ xúc phạm danh dự chị T. Mâu thuẫn không thể hòa giải được. Từ tháng 6/2018 đến nay chị T và anh L đã sống ly thân không còn quan tâm chăm sóc đến nhau. Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng chị T kiên quyết yêu cầu ly hôn, bản thân chị khẳng định hiện tại không còn tình cảm và không thể tiếp tục chung sống cùng anh L. Nhận thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh L đã kéo dài qua nhiều năm mà không thể hòa giải được, tình cảm giữa anh chị đã có nhiều mâu thuẫn gay gắt, trầm trọng không thể hòa giải được, sống không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị T yêu cầu được ly hôn đối với anh L là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị T được ly hôn với anh L là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Hội đồng xét xử thấy giữa bà T và ông L có 03 con chung Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 29/5/2008; Nguyễn Văn P1, sinh ngày 16/12/2009; Nguyễn Vũ Minh C, sinh ngày 26/10/2013. Hiện tại hai cháu Nguyễn Thị Thu H và Nguyễn Vũ Minh C đang sống ổn định cùng với chị T tại Thôn Q, xã E, huyện R, tỉnh Quảng Ngãi và cháu H có nguyện vọng được ở với chị H nên để cho chị T tiếp tục được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Cháu Nguyễn Văn P1 đang sống ổn định với anh Nguyễn Văn L tại Thôn Y, xã U, huyện P, Quảng Ngãi và cháu P1 có nguyện vọng được ở với anh L nên để cho anh L tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung; anh L trực tiếp nuôi dưỡng một con chung. Do vậy, để đảm bảo sự phát triển về mọi mặt của cháu Nguyễn Vũ Minh C trong điều kiện hiện nay về chi phí sinh hoạt hàng ngày, chi phí học tập. Hội đồng xét xử xét buộc anh Nguyễn Văn L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con hàng tháng đối với cháu Nguyễn Vũ Minh C với mức 1.000.000đồng (*Một triệu đồng*)/tháng, thời điểm cấp dưỡng kể từ tháng 8/2019 cho đến khi cháu Nguyễn Vũ Minh C đủ 18 tuổi phù hợp với quy định tại các Điều 82, 83, 84, 107, 110, 116, 119 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Chị Đào Thị T, anh Nguyễn Văn L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[6] Về tài sản chung: Không có. Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về nợ chung: Không có. Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P về việc giải quyết về vấn đề hôn nhân, nuôi con, tài sản chung và nợ chung giữa chị Đào Thị T và anh Nguyễn Văn L phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đào Thị T phải chịu 300.000 án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Anh Nguyễn Văn L phải chịu án phí về cấp dưỡng nuôi con theo quy định điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Các Điều 56, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116 và Điều 119 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Đào Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đào Thị T được ly hôn đối với anh Nguyễn Văn L.

2. Về con chung:

Chị Đào Thị T tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 29/5/2008 và Nguyễn Vũ Minh C, sinh ngày 26/10/2013.

Anh Nguyễn Văn L tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Nguyễn Văn P1, sinh ngày 16/12/2009.

Buộc anh Nguyễn Văn L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con hàng tháng đối với cháu Nguyễn Vũ Minh C với mức 1.000.000đồng (*Một triệu đồng*)/tháng, thời điểm cấp dưỡng kể từ tháng 8/2019 cho đến khi cháu Nguyễn Vũ Minh C đủ 18.

Anh L, chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Đào Thị T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí về việc ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) chị T đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2016/0004330 ngày 05/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Quảng Ngãi. Chị Đào Thị T đã nộp đủ án phí.

Anh Nguyễn Văn L phải chịu 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí về cấp dưỡng tiền nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi.
- VKSND huyện P.
- Chi cục THADS huyện P.
- UBND xã U.
- Các đương sự.
- Lưu HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Diệu